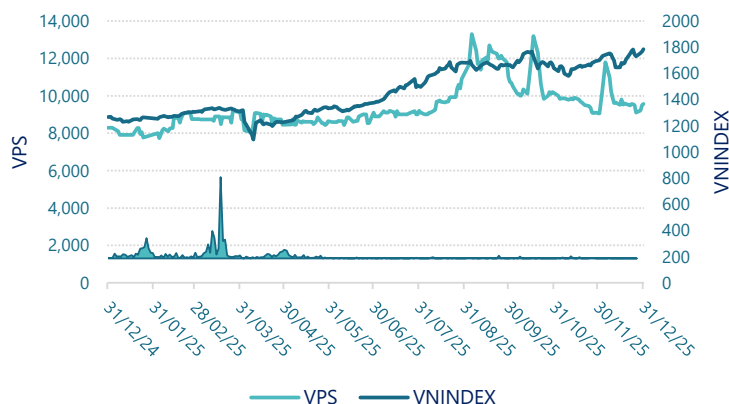


CTCP Thuốc sát trùng Việt Nam (HSX: VPS)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	9,560
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,732
SL cổ phiếu LH	24,460,792
KLGD BQ 20 phiên (CP)	41,160
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	234
P/E	10.0
EPS	957

DT thuần

Q4/25

308

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 160 | 108%

YoY: ▲ 91.0 | 41.8%

LN sau thuế

Q4/25

16.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 10.0 | 151%

YoY: ▲ 2.40 | 17.1%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

5.1%

+/- YoY: ▼ 0.8%

DT thuần

2025

634

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 61.0 | 10.6%

LN sau thuế

2025

24.4

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 0.50 | -2.1%

ROE

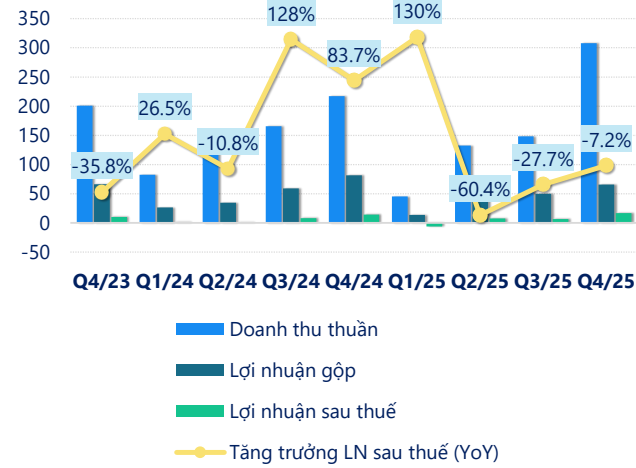
2025

6.7%

+/- YoY: ▼ 0.3%

tỷ VNĐ

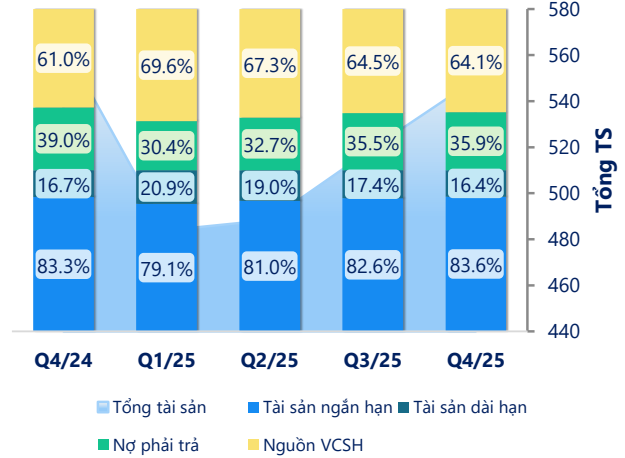
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

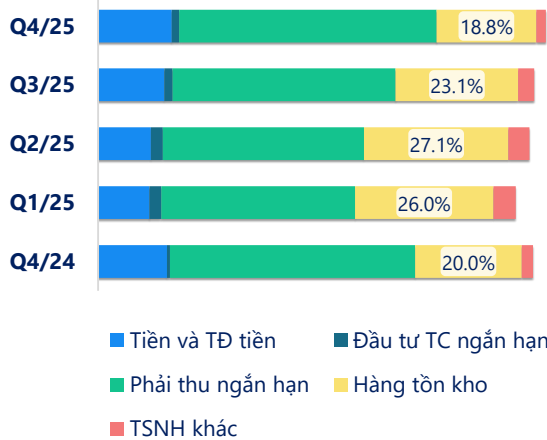
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



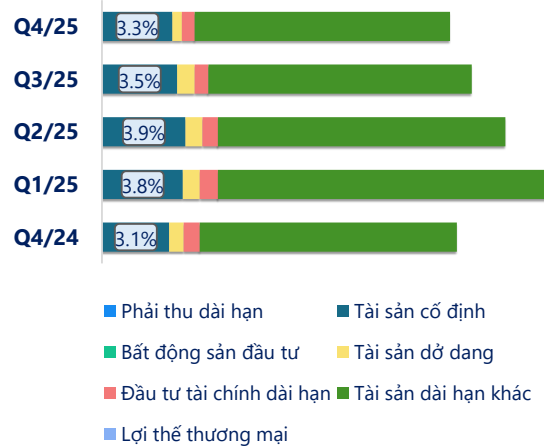
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

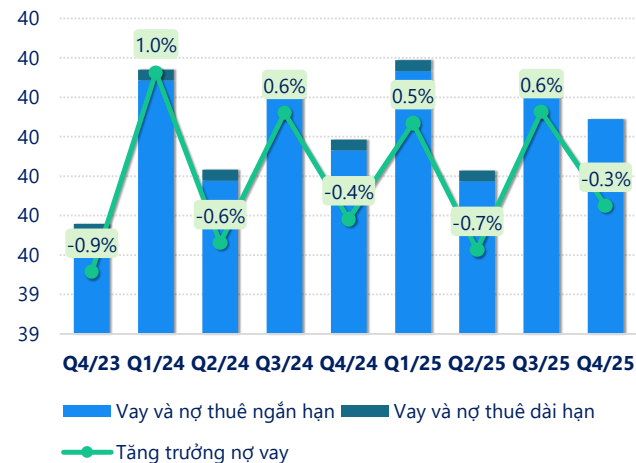
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

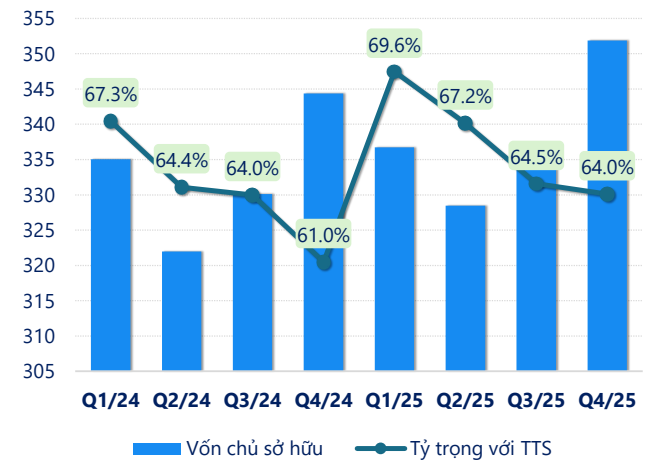
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

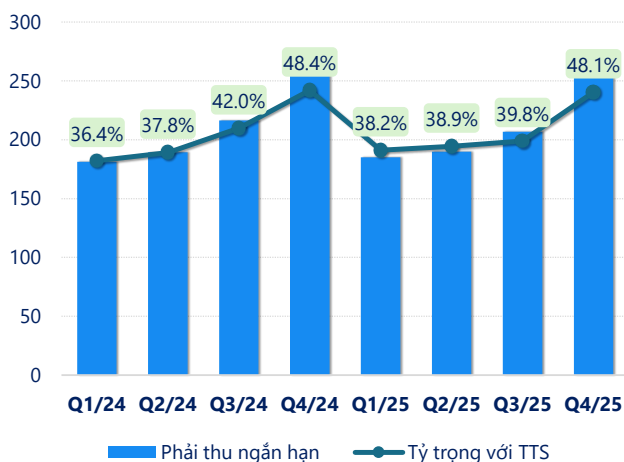
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



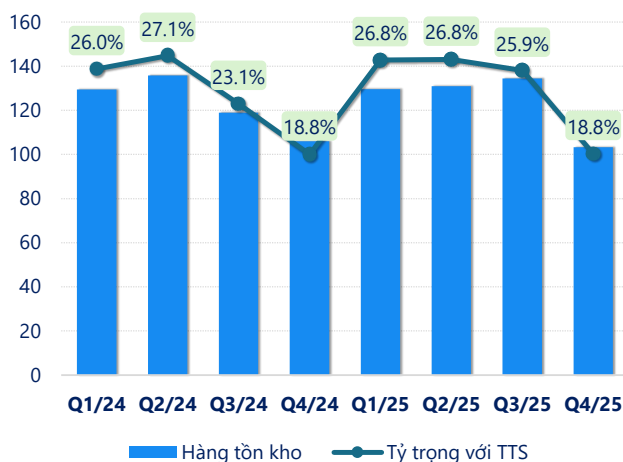
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


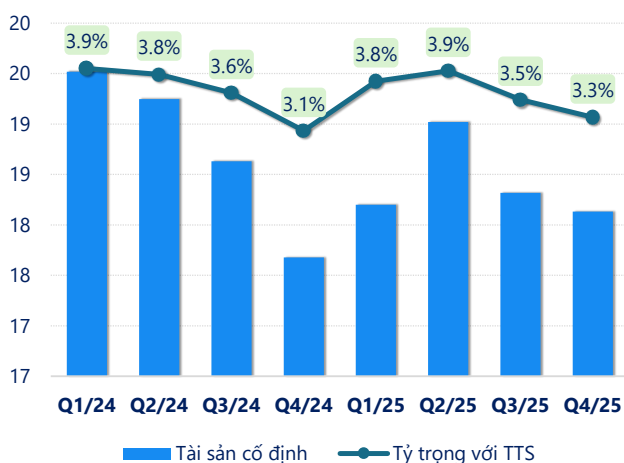
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


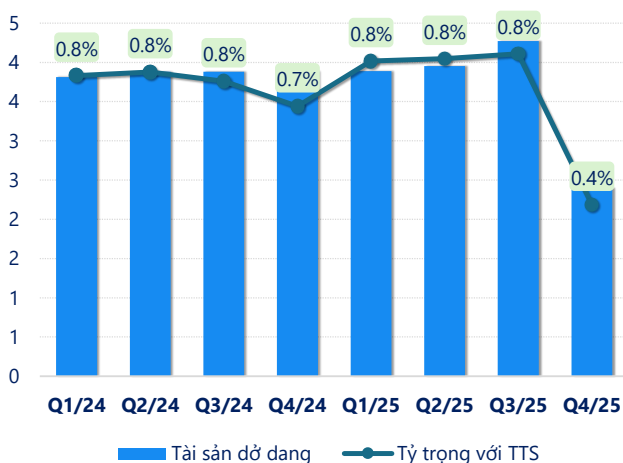
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

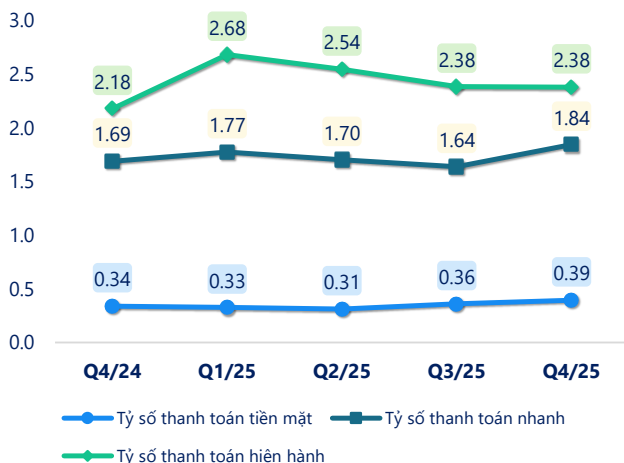
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

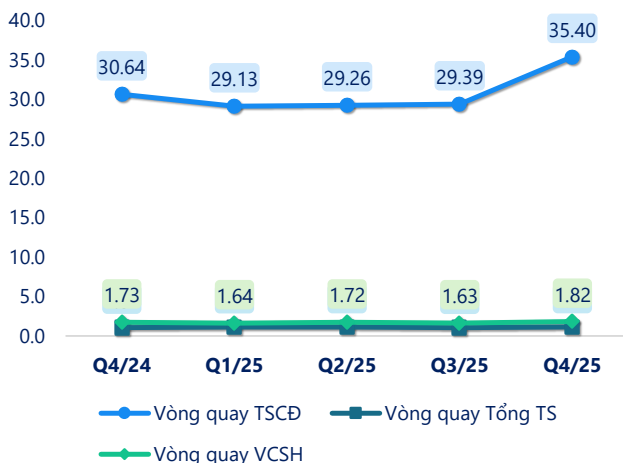
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	565	484	488	520	550
Tài sản ngắn hạn	471	383	396	429	460
Tiền và tương đương tiền	73.3	46.6	48.5	64.7	76.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	8.00	8.00	8.00	8.00	8.00
Phải thu ngắn hạn	273	185	190	207	264
Hàng tồn kho	106	130	131	134	103
Tài sản ngắn hạn khác	10.0	13.5	18.5	15.3	8.01
Tài sản dài hạn	94.2	101	92.7	90.3	89.9
Phải thu dài hạn	0.16	0.16	0.12	0.08	0.08
Tài sản cố định	17.7	18.2	19.0	18.3	18.1
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	3.89	3.89	3.95	4.27	2.40
Đầu tư tài chính dài hạn	4.28	4.13	3.50	3.33	3.34
Tài sản dài hạn khác	68.2	74.8	66.1	64.3	65.9
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	220	147	160	184	198
Nợ ngắn hạn	216	143	156	180	193
Vay và nợ thuê ngắn hạn	39.8	40.0	39.7	39.9	39.8
Phải trả người bán ngắn hạn	96.0	67.5	68.0	85.0	81.1
Nợ dài hạn	4.29	4.29	4.29	4.29	4.26
Vay và nợ thuê dài hạn	0.03	0.03	0.03	0.03	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	345	337	329	335	352
Vốn chủ sở hữu	344	337	328	335	352
Vốn điều lệ	245	245	245	245	245
Kinh phí và quỹ khác	0.13	0.13	0.13	0.13	0.13

(Nguồn: fireant.vn)